

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MINH
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 02 năm 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thỏa, ông Lệnh Đức Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Mai Minh Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2023/TLST- HNGĐ ngày 21/11/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS, ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Vừ Chúa D**; sinh năm: 1987; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Mông; CCCD số: 002087007383, cấp ngày 25/6/2021; địa chỉ nơi cư trú: **Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Vàng Thị D1**; sinh năm: 1988; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: **Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 20/10/2023, bản tự khai ngày 20/10/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh **Vừ Chúa D** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **D** và chị **Vàng Thị D1**, sinh năm 1988 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 tại **thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang** và có với nhau 02 con chung. Sau đó đến ngày 03/6/2013 cả hai mới đi đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang** trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 chị **D1** tự ý bỏ nhà đi biệt tích đến nay không rõ tung tích, anh **D** đã báo cáo chính quyền địa phương và cùng gia đình hai

bên tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì về chị **D1**. Nay chị **D1** đã biệt tích hơn 05 năm, anh **D** đã gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Minh tuyên bố một người mất tích đối với chị **Vàng Thị D1**, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: **Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Ngày 10/7/2023 Tòa án ra quyết định số 10/2023/QĐST-VDS tuyên bố chị **Vàng Thị D1** mất tích. Anh **D** nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị không thể tiếp tục kéo dài thêm được nữa do mục đích hôn nhân không đạt được, chính vì vậy anh **D** đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **D1**.

Về con chung: Anh **D** xác nhận, anh và chị **D1** có 02 con chung là cháu **Vừ Thị X**, sinh ngày 01/11/2008 và cháu **Vừ Mí S**, sinh ngày 15/3/2011, từ khi chị **D1** bỏ đi các con do một mình anh **D** chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh tiếp tục được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu chị **D1** phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh **D** xác nhận chị **Vàng Thị D1** bỏ đi không để lại tài sản gì, vợ chồng anh không có tài sản chung, không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị **Vàng Thị D1** đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 10/2023/QĐST-VDS ngày 10/7/2023. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, niêm yết và triệu tập hợp lệ đối với chị **Vàng Thị D1** nhưng chị **D1** không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 16/01/2023 đối với ông **Hoàng Mạnh L** – Cán bộ tư pháp, hộ tịch **xã L** và ông **Nguyễn Viết H** – Trưởng **Công an xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang** cung cấp: Chị **Vàng Thị D1**, sinh năm 1988 có địa chỉ tại **thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang**, tuy nhiên từ tháng 02/2019 cho đến nay chị **D1** tự ý bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, nay không có tin tức gì về chị **Vàng Thị D1** đang ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Anh **Vừ Chúa D** và chị **Vàng Thị D1** có 02 con chung là cháu **Vừ Thị X**, sinh ngày 01/11/2008 và cháu **Vừ Mí S**, sinh ngày 15/3/2011, từ khi chị **D1** bỏ đi, anh **D** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của các cháu **Vừ Thị X, Vừ Mí S** đều có ý kiến muốn được ở cùng bố là anh **Vừ Chúa D**, vì hiện các cháu đều đang sinh sống và học tập cùng với anh **D** tại: **Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang**, còn mẹ là **Vàng Thị D1** đã bỏ nhà đi biệt tích từ tháng 02 năm 2019. Quá trình chung sống với bố mẹ các cháu không có đóng góp gì vào khối tài sản chung, cũng như không được ai tặng cho hay nhận thừa kế khối tài sản nào, do vậy không có đề nghị gì về phần tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành

đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền lợi của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh **Vừ Chúa D**, cho anh **D** được ly hôn với chị **Vàng Thị D1**. Về con chung: Giao cháu **Vừ Thị X**, sinh ngày 01/11/2008 và cháu **Vừ Mí S**, sinh ngày 15/3/2011 cho anh **V** Chúa **D** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị **Vàng Thị D1** không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh **Vừ Chúa D**.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh **Vừ C** Đình yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị **Vàng Thị D1**, nơi cư trú cuối cùng tại **thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang** là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đầy đủ; bị đơn không chấp hành, tại phiên tòa đã được triệu tập niêm yết hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị **Vàng Thị D1**.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Vừ Chúa D** và chị **Vàng Thị D1** có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 03/6/2013 tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang** nên hôn nhân giữa anh **Vừ Chúa D** và chị **Vàng Thị D1** là hợp pháp.

[4] Bị đơn chị **Vàng Thị D1** đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 10/2023/QĐST-VDS ngày 10/7/2023.

[5] Về căn cứ cho ly hôn: Anh **Vừ C D** là chồng của chị **Vàng Thị D1** là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với chị **D1** của anh **D** là có căn cứ, phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Anh **Vừ C D** xác nhận anh và chị **Vàng Thị D1** có 02 con chung là cháu **Vừ Thị X**, sinh ngày 01/11/2008 và cháu **Vừ Mí S**, sinh ngày 15/3/2011, khi ly hôn anh **D** có yêu cầu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, chị **D1** không phải cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử xét thấy từ năm 2019 chị **D1** bỏ nhà đi đến nay anh **D** vẫn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, ngoài ra các con chung đều có nguyện vọng được ở cùng bố là anh **D**, nên yêu cầu được nuôi con của anh **D** là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[7] Về tài sản, công nợ chung: Anh **Vừ Chúa D** xác nhận không có, vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chấp nhận đơn xin miễn án phí của anh **V** Chúa Đình ngày 25/8/2023 vì anh **D** là đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sinh sống ở **thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang** là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh **V** Chúa Đình theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Do vậy các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Vừ C** Đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh **V** Chúa **D** được ly hôn với chị **Vàng Thị D1**.

2. Về con chung: Giao cháu **Vừ Thị X**, sinh ngày 01/11/2008 và cháu **Vừ Mí S**, sinh ngày 15/3/2011 cho anh **V** Chúa **D** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị **Vàng Thị D1** không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Miễn 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh **Vừ Chúa D**.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Về Thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- UBND xã Lao Và Chải, huyện Yên Minh;
- Các đương sự;
- Lưu, HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

P